

Tiêu chí nào phân định ranh giới giữa các loại hình kinh tế tư nhân ở nước ta?

Thạc sĩ VŨ VĂN THƯ

Thực tế cho thấy cũng như kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân tuy có nhiều trình độ phát triển khác nhau nhưng cũng không nên chia cắt nó theo góc độ quan hệ sở hữu để có sự phân biệt đối xử khác nhau giữa chúng. Bản chất của kinh tế tư nhân là sở hữu tư nhân, mà sở hữu tư nhân luôn là một khái niệm đồng nhất.



Ảnh Hòa Tấn

Hiện nay trong giới nghiên cứu ở nước ta đang có nhiều cách lý giải khác nhau về kinh tế tư nhân (KTTN): Có người cho KTTN đồng nghĩa với “kinh tế tư bản tư nhân” (KTTBTN), có người lại đồng nhất KTTN với kinh tế ngoài quốc doanh. Quan điểm hiện nay được ĐCSVN nêu ở Hội nghị trung ương 5 (khóa IX) tháng 3 – 2002, rằng: “KTTN gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và khuyến khích TBTN hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp tư nhân”... Như vậy, do chưa có sự thống nhất chung, nên đến nay ta vẫn có thể hiểu khái niệm KTTN qua các cấp độ khác nhau:

1. Theo cấp độ khái quát nhất: KTTN là khu vực kinh tế nằm ngoài

quốc doanh (ngoài khu vực kinh tế nhà nước), bao gồm cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó tư nhân nắm trên 50% vốn đầu tư.

2. Theo cấp độ hẹp hơn: KTTN gồm có kinh tế cá thể, tiểu chủ và KTTBTN.

Từ hai cách hiểu trên, chúng tôi tạm đi đến nhận thức mang tính khái quát chung về KTTN như sau:

KTTN là khu vực kinh tế gắn liền với các loại hình sở hữu tư nhân. Trong đó các chủ thể của nó tự chủ tiến hành sản xuất kinh doanh vì lợi ích trực tiếp của cá nhân, hay tập thể cá nhân hoạt động dưới những hình thức kinh tế khác nhau, dù có thuê hay không thuê mướn lao động.

Đây là khu vực kinh tế bao gồm nhiều trình độ và hình thức kinh tế khác nhau.

Trong bài viết này chúng tôi không đi sâu phân tích về các khái niệm mà muốn cố gắng tìm hiểu về bản chất của kinh tế tư nhân để từ đó góp phần giải đáp một số câu hỏi đang đặt ra khá bức xúc hiện nay, trong đó có vấn đề: có thể tìm ra một tiêu chí khoa học cho việc phân định ranh giới giữa kinh tế cá thể, tiểu chủ với KTTBTN được không?

Như ta biết, trong sự phân loại các loại hình kinh tế của Lênin không có tên: kinh tế cá thể, tiểu chủ. Đây chỉ là cách gọi riêng của VN. “Kinh tế cá thể, tiểu chủ” và “kinh tế tư nhân” (được hiểu đồng nghĩa với KTTBTN) đã trở thành đối tượng của công cuộc cải tạo XHCN ở VN từ năm 1958 đến năm 1985. Việc đặt trung tâm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH)

là sự chiến thắng của CNXH trước con đường tư bản chủ nghĩa, đã trực tiếp chuyển hai loại hình kinh tế trên, từ vấn đề kinh tế trở thành vấn đề chính trị. Quan điểm này trên thực tế đã lỗi thời, không còn phù hợp.

Việc đưa ra một tiêu chí chính thức để phân định được ranh giới giữa các loại hình kinh tế là rất cần thiết, nếu chúng ta chủ trương phải làm rõ các loại hình kinh tế trong chính sách của mình và đi đến những định nghĩa khoa học về chúng. Tuy nhiên đây cũng là một vấn đề rất khó thực hiện cả về mặt lý luận và về mặt thực tiễn.

Chẳng hạn chúng tôi tạm đưa ra một số giải thuyết cho việc phân định ranh giới giữa các loại hình: kinh tế cá thể, tiểu chủ và KTTBTN như sau:

- Giải thuyết thứ nhất: Tạm thời lấy sự phân định ranh giới giữa các loại doanh nghiệp: nhỏ, vừa và lớn để làm tiêu chí.

Qua nghiên cứu tiêu thức phân loại ở các nước có thể nhận thấy những tiêu thức phổ biến thường được sử dụng là: (1) Số lao động thường xuyên; (2) Vốn sản xuất; (3) Doanh thu; (4) Lợi nhuận; (5) Giá trị gia tăng... Nhìn chung các nước đều dùng các tiêu thức khác nhau. Trong số các tiêu thức trên, hai tiêu thức thường sử dụng nhiều nhất là: quy mô vốn và lao động. Thông thường các nước có trình độ phát triển cao thì giới hạn quy định chỉ tiêu quy mô lớn hơn so với các nước có trình độ phát triển thấp. Mặt khác các chỉ tiêu đó lại thường xuyên thay đổi để phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ lịch sử.

Chẳng hạn ở Đài Loan trong 30 năm qua đã có 6 lần thay đổi quy định giới hạn các biểu thức phân loại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ở VN cũng vậy, theo công văn số 681/CP - KTN ban hành ngày 20.6.1998 thì doanh nghiệp vừa và nhỏ là doanh nghiệp có số công nhân dưới 200 người và vốn kinh doanh dưới 5 tỉ đồng. Trong đó doanh nghiệp nhỏ có số vốn dưới 1 tỉ đồng và số lao động dưới 50 người. Gần đây nhất, theo Nghị định số

90/2001/NĐ - CP ngày 23.11.2001, đưa ra định nghĩa về doanh nghiệp vừa và nhỏ như sau: "Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký theo pháp luật hiện hành, có vốn đăng ký không quá 10 tỉ đồng, hoặc số lao động trung bình hằng năm không quá 300 người". Như vậy, trong vòng 3 năm chúng ta đã có sự điều chỉnh tiêu thức phân biệt ranh giới giữa các loại hình doanh nghiệp và chắc chắn đây không phải là lần cuối cùng.

- Giải thuyết thứ hai: Tham khảo từ kinh nghiệm của Trung Quốc XHCN, để có thể đưa ra một tiêu chí phù hợp.

Tháng 6.1988, Hội đồng nhà nước Trung Quốc đã ban hành quy định tạm thời về doanh nghiệp tư nhân. Trong đó doanh nghiệp tư nhân được định nghĩa là: "Một tổ chức hoạt động vì lợi nhuận, do tư nhân sở hữu và thuê trên 8 công nhân". (Điều 2). Doanh nghiệp tư nhân ở đây có thể được hiểu là: doanh nghiệp tư bản tư nhân. Tiêu chí này ứng với các loại hình doanh nghiệp cực nhỏ.

- Giải thuyết thứ ba, cho rằng: Khó có thể tìm ra được cơ sở khoa học để nêu các tiêu chí chính xác nhằm phân định ranh giới giữa các loại hình KTTN. Vì vậy cần thiết phải có tư duy mới, khái niệm kinh tế mới phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong thời kỳ đổi mới.

Quan điểm của chúng tôi hiện nay là nhất trí với giả thuyết thứ ba này, vì mấy lý sau:

+ Thứ nhất, nếu lấy tiêu chí của doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc lấy tiêu chí doanh nghiệp tư nhân như ở Trung Quốc đã từng quan niệm trước đây là không đủ cơ sở khoa học để phân định ranh giới giữa các thành phần kinh tế. Những tiêu chí đó chỉ mang tính chất tương đối, chủ quan và luôn bị thực tiễn cuộc sống bỏ qua. Mặt khác, hiện nay ở Trung Quốc người ta cũng rất ít quan tâm đến sự phân chia cụ thể các loại hình kinh tế tư nhân, mà họ thường dùng đến khái niệm rất phổ biến là: khu vực "kinh tế phi công hữu", bên cạnh khu vực "kinh tế công hữu"...

+ Thứ hai, cách phân chia "thành phần" kinh tế là cách tiếp cận để làm rõ kết cấu quan hệ sản xuất, theo góc độ quan hệ sở hữu giữa các tầng lớp, các giai cấp. Từ đó sẽ có những đối sách cụ thể về chính trị đối với từng thành phần kinh tế. Tuy nhiên cách hiểu này hiện nay đã trở nên lỗi thời và không cần thiết. Cách tiếp cận này còn mang tính chất định tính, rất khó định lượng nên không thể đưa ra một tiêu chí cụ thể và chính xác cho mỗi loại hình kinh tế. Nếu chúng ta lượng hoá chúng bằng một số liệu nào đó (như dựa trên quy mô doanh nghiệp chẳng hạn) thì tiêu chí đó hoàn toàn dựa trên cách phân chia kinh tế - kỹ thuật, nó không thể là tiêu chí đúng để áp dụng theo góc độ quan hệ sản xuất, và tiêu chí đó sẽ không bao giờ có đáp số cuối cùng.

Với lý do trên, chúng tôi cho rằng không thể có một tiêu chí chính thức nhằm phân biệt ranh giới giữa kinh tế cá thể, tiểu chủ với kinh tế tư bản tư nhân. Bởi nếu định ra một tiêu chí như vậy sẽ là chủ quan, không khoa học và thiếu tính thuyết phục.

Thực tế cho thấy cũng như kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân tuy có nhiều trình độ phát triển khác nhau nhưng cũng không nên chia cắt nó theo góc độ quan hệ sở hữu để có sự phân biệt đối xử khác nhau giữa chúng. Bản chất của kinh tế tư nhân là sở hữu tư nhân, mà sở hữu tư nhân luôn là một khái niệm đồng nhất. Dù kinh tế cá thể, tiểu chủ hay KTTBTN thì giữa chúng luôn có điểm chung, là đều dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và về các nguồn lực sản xuất.

Từ những lý giải trên chúng tôi xin nêu ra một số ý kiến mang tính kiến nghị như sau:

- Thứ nhất, chúng ta không cần thiết phải chia kinh tế tư nhân thành hai thành phần: kinh tế cá thể, tiểu chủ và KTTBTN như trước đây, mà nên coi chúng là một thể thống nhất. Do vậy về cơ bản chúng tôi cũng nhất trí với bản dự thảo "Đề cương báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng" của Ban chấp hành trung ương ĐCSVN (tháng 6.2005) coi nền kinh tế nước ta có bốn thành

phần kinh tế là: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp (trang 12), bốn thành phần kinh tế này tương ứng với bốn hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp.

- Thứ hai, nên chăng chúng ta không cần thiết phải sử dụng khái niệm "thành phần kinh tế", mà thay vào đó nên dùng khái niệm "khu vực kinh tế". Theo đó trong nền kinh tế nước ta có những khu vực kinh tế cơ bản là: "khu vực kinh tế nhà nước" và "khu vực kinh tế tư nhân"... Cũng có thể hiểu và gọi khái niệm trên bằng một khái niệm có chung một nội dung, nhưng gọn hơn là: "kinh tế nhà nước" và "kinh tế tư nhân".

"Khu vực kinh tế" không phải là một khái niệm mới. Nó đã được sử dụng hầu hết ở các nước trên thế giới từ lâu. Ở nước ta, khái niệm này đã được nêu ra từ đại hội VI, khi Đảng nói về khu vực kinh tế quốc doanh và khu vực kinh tế tập thể. Riêng "kinh tế tư nhân" chỉ được chính thức sử dụng từ Nghị quyết trung ương VI (khoá VI), theo đó các loại hình kinh tế: cá thể, tiểu chủ và TBTN được coi là các hình thức của kinh tế tư nhân. Đến Hội nghị trung ương V (khoá IX) tháng 3.2002, kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể tiểu chủ và KTTBTN) chính thức được Đảng coi là một khu vực kinh tế, tồn tại bên cạnh các khu vực: kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể.

Nếu sử dụng cách tiếp cận "khu vực kinh tế" và coi kinh tế tư nhân là một thể thống nhất, phù hợp với bản chất sở hữu tư nhân của nó, thì ta sẽ gặp được nhiều thuận lợi sau đây: (1) Khắc phục được tính trừu tượng, tính phi định lượng của cách tiếp cận thành phần kinh tế; tránh được việc tranh luận không có hồi kết thúc về sự phân định ranh giới giữa: kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế TBTN; (2) Phù hợp với cách phân định khu vực kinh tế giữa các nước, tạo thuận lợi cho việc hội nhập và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta; (3) Tránh được sự phân biệt đối xử, sự thành kiến mặc cảm khi sử dụng khái niệm: "thành phần kinh tế tư bản tư nhân", nó cổ vũ sự bình đẳng

Đảng viên-doanh nhân, lực lượng nòng cốt mới

Thời công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hiệu quả nền kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng, không chỉ tạo ra giá trị thặng dư bằng yếu tố sức lao động. Nền kinh tế tri thức rất coi trọng đầu tư chất xám, công nghệ cao trong mỗi đơn vị sản phẩm.

Ngày nay hình ảnh người đảng viên chỉ biết sống đạm bạc, chân chỉ, tốt bụng, sẵn lòng giúp mọi người bằng sức bỏ ra của mình, bằng thời gian hy sinh việc nhà, kiểu cho "xấu cá", không còn sức thuyết phục cao. Họ còn phải là người nói đúng, làm giỏi, hiệu quả lớn, đóng thuế cao cho nhà nước, mà vẫn giữ nghiêm phép nước. Quần chúng nhân dân ngày nay đã có mức sống, trình độ cao, họ giác ngộ, tin yêu, cảm phục và làm theo những ai có tâm, có tài thực. Muốn tập hợp nhân dân, muốn tạo phong trào, đảng viên không chỉ hô hào mà phải bằng sự tâm phục, khẩu phục của dân. Như vậy, đảng viên còn phải là người biết làm kinh tế tư nhân giỏi, không ngần ngại chia sẻ kinh nghiệm, bí quyết làm giàu, phổ biến "bản quyền" rộng rãi cho dân. Làm được như thế, thật đáng ca ngợi.

Đến một mức nào đó, đảng viên-doanh nhân trở thành "ông chủ lớn" thì điều đó cũng không có gì lo ngại. Hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh, sẽ bao quát, chế tài tất cả những gì mà "ông chủ doanh nghiệp" kia vi phạm, bất chấp. Ví dụ như: Luật công dân, Luật môi trường, Luật thuế... Pháp luật nước ta sẽ quy định rất cụ thể những điều cấm, ví dụ: Cấm lợi dụng uy tín, ảnh hưởng của đảng viên, cán bộ đương chức, tạo lợi thế cho kinh tế gia đình, gia tộc mình và người khác... Ngoài ra, điều lệ Đảng (có thể) sẽ quy định những lĩnh vực nhạy cảm đảng viên không được làm kinh tế tư nhân. Doanh nhân-đảng viên kia tha hồ tự do vùng vẫy trong khuôn khổ ấy. (Trên thế giới không có thứ tự do kinh doanh tuyệt đối cho bất cứ ai, kể cả gia đình tổng thống, hoàng tộc...). Như thế, đất nước càng có nhiều doanh nhân-đảng viên làm kinh tế giỏi, thuế thu nhiều, điều tiết nhiều hơn cho người nghèo. Ta có nhiều doanh nghiệp thương hiệu mạnh, sức cạnh tranh cao, lúc ấy uy tín của Đảng chẳng những càng vững chãi trong lòng quốc gia, dân tộc, mà còn có uy tín trên trường quốc tế.

Chỉ cần đặt lại vấn đề: Nếu trong cộng đồng dân cư, đảng viên không được nể trọng về sự "làm ăn" giỏi ấy, thì dân thường tất sẽ có người tạo được uy tín đó. Khi ấy uy tín và sức cuốn hút của đảng viên ta ở địa phương xếp thứ hạng nào, có còn giữ được vai trò nòng cốt, tiên phong?

KIM VĂN

Báo Quân đội nhân dân điện tử ngày 2.3.2006

giữa các khu vực kinh tế, tạo tâm lý yên tâm phần khởi, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước; (4) Góp phần lý giải nguyên nhân vì sao Đảng chỉ cho phép đảng viên làm KTTN ở nước ta ở mức cá thể, tiểu chủ nhưng nhiều đảng viên thường vượt qua ngưỡng sản xuất nhỏ để có quy mô doanh nghiệp ngày càng tương đối lớn, khi

họ làm ăn có hiệu quả. Điều này, theo chúng tôi trong thời gian tới ta cần có những suy nghĩ và quyết định sáng suốt, hợp tình, hợp lý hơn trong việc cho phép hay không cho phép đảng viên làm KTTN có quy mô tương đối lớn (mà ta thường gọi là KTTBTN) trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta ■